

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÀ ĐIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 396/TB-THPT.BĐ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông,
Năm học 2022 - 2023

(Biểu mẫu 10 kèm theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1834	628	651	555
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1596 (87,02%)	526 (83,76%)	571 (87,71%)	499 (89,91%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	217 (11,83%)	93 (14,81%)	72 (11,06%)	52 (9,37%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	20 (1,09%)	09 (1,43%)	07 (1,08%)	04 (0,72%)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0,05%)	00 (0%)	01 (0,15%)	00 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1834	628	651	555
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	694 (37,84%)	255 (40,61%)	239 (36,71%)	200 (36,04%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	972 (53%)	323 (51,43%)	339 (52,07%)	310 (55,86%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	165 (9%)	50 (7,96%)	70 (10,75%)	45 (8,11%)



4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	03 (0,16%)	00 (0%)	03 (0%)	00 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1834	628	651	555
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1834 (99,84%)	628 (100%)	648 (99,54%)	555 (100%)
a	Học sinh giỏi/XS (tỷ lệ so với tổng số)	453 (24,7%)	19 (3,03%)	234 (35,94%)	200 (36,04%)
b	Học sinh tiên tiến/HSG (tỷ lệ so với tổng số)	880 (47,98%)	230 (36,62%)	340 (52,23%)	310 (55,86%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	03 (0,16)	00 (0%)	03 (0,46%)	00 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	32 (1,74%)	02 (0,31%)	23 (3,53%)	07 (1,26%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	27	00	00	27
1	Cấp huyện	00	00	00	00
2	Cấp tỉnh/thành phố	27	00	00	27

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	555			555
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	555			555
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	524 (94,4%)			524 (94,4%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	842/992	313/315	285/366	244/311
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	28	16	12	00

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2023



Võ Thành Danh

